

Tổng điều tra các cơ sở KINH TẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP

(Tiếp theo)

Đoàn Dũng*

BBT: Nhằm phục vụ quá trình chuẩn bị Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp lần thứ 4 vào năm 2012. Tiếp theo Số 4/2011, Thông tin khoa học thống kê giới thiệu phần còn lại của Báo cáo do ông Yahya Jammal, chuyên gia quốc tế thực hiện từ năm 2006.

I. TỔNG ĐIỀU TRA 2002

A. Mục đích và diện bao phủ

Các buổi làm việc với Vụ chịu trách nhiệm về tổng điều tra 2002 của TCTK cho thấy hoạt động tổng điều tra có 6 mục đích được đề cập đến:

- cung cấp một bức tranh đáng tin cậy về hoạt động của các cơ sở KTHCSN ở Việt Nam,
- cung cấp thông tin về phân bố theo ngành và vị trí địa lý của nền kinh tế,
- cung cấp một bức tranh đáng tin cậy về tình trạng lao động,
- thu thập thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở,
- cung cấp dàn mẫu của các cơ sở KTHCSN,
- cung cấp một số chỉ tiêu đặc thù.

Để làm được như vậy, tất cả các cơ sở KTHCSN hoạt động trong nước tại thời điểm điều tra đều trong diện bao phủ của tổng điều tra. Các danh mục

ban đầu thu được từ các cuộc tổng điều tra và điều tra chọn mẫu trước đây do TCTK tổ chức và được chính quyền địa phương cập nhật dựa trên hiểu biết của họ về kinh tế địa phương.

B. Bảng câu hỏi

Có 4 loại bảng câu hỏi đã được sử dụng:

- cho “các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể”,
- cho các tổ chức phi lợi nhuận,
- cho các chi nhánh doanh nghiệp, và
- cho doanh nghiệp.

1. “Các Cơ sở Sản xuất Kinh doanh Cá thể”

Bảng câu hỏi dùng cho các cơ sở này bao gồm những câu hỏi chính sau đây:

- thông tin nhận dạng (tên, địa chỉ, sở hữu, v.v...),
- năm đầu tiên đi vào hoạt động,
- trình bày về hoạt động kinh tế chính được định nghĩa là “hoạt động tạo ra hầu hết thu nhập hoặc sử dụng hầu hết lao động”,
- doanh thu trong tháng 6/2002,
- số tháng hoạt động trong năm 2002,
- lao động chia theo trình độ và giới tính,
- số máy tính có đến 7/2002.

Nhóm cơ sở thuộc loại này đã bao gồm cả các “đơn vị SXKD hộ gia đình” (household enterprises) (xem Mục IV.A phía dưới). Trong tổng điều tra 2002,

* Viện Khoa học Thống kê

nhóm cơ sở thuộc loại này được quy định bao gồm cả toàn bộ các cơ sở sản xuất kinh doanh không đăng ký theo luật doanh nghiệp Việt Nam (Luật doanh nghiệp quy định rằng bất kỳ cơ sở kinh doanh nào thuê hơn 10 nhân công đều phải đăng ký kinh doanh). Tuy nhiên kết quả của tổng điều tra lại có 251.674 cơ sở sản xuất kinh doanh không đăng ký nhưng lại có hơn 10 nhân công.

2. Các tổ chức Phi lợi nhuận (Non-profit Institutions)

Bảng câu hỏi cho các tổ chức này (các cơ quan chính phủ, hiệp hội, các tổ chức xã hội, v.v...) bao gồm những câu hỏi chính sau đây:

- thông tin nhận dạng (tên, địa chỉ, sở hữu, v.v...),
- năm thành lập,
- trình bày về hoạt động kinh tế chính (tổ chức tự quyết định hoạt động nào là chính),
- tổng thu và chi trong năm 2001 và riêng cho 6 tháng đầu năm 2002,
- lao động chia theo trình độ và giới tính,
- số máy tính có đến tháng 7/2002.

3. Các chi nhánh doanh nghiệp (Enterprise Branches)

Bảng câu hỏi cho loại cơ sở này bao gồm những câu hỏi chính sau:

- thông tin nhận dạng (tên, địa chỉ, sở hữu, v.v...),
- năm thành lập,
- trình bày về hoạt động kinh tế chính được định nghĩa là hoạt động “tạo ra giá trị sản xuất lớn nhất. Nếu không xác định được giá trị sản xuất thì sẽ là hoạt động có doanh thu lớn nhất hoặc sử dụng nhiều lao động nhất”,
- doanh thu trong 6 tháng đầu năm 2002,
- lao động chia theo trình độ và giới tính,
- số máy tính có đến 7/2002.

4. Doanh nghiệp (Enterprises)

Bảng câu hỏi cho các doanh nghiệp là chi tiết nhất bao gồm 36 trang chia thành 2 phần: phần

thứ nhất yêu cầu những thông tin về trụ sở chính và phần thứ hai là về toàn bộ doanh nghiệp. Các câu hỏi cho trụ sở chính bao gồm:

- thông tin nhận dạng (tên, địa chỉ, sở hữu, v.v...),
- năm thành lập,
- trình bày về hoạt động kinh tế chính được định nghĩa là hoạt động “tạo ra giá trị hoạt động nhiều nhất cho doanh nghiệp. Nếu giá trị hoạt động không xác định được thì sẽ là hoạt động có doanh thu lớn nhất hoặc sử dụng nhiều lao động nhất”. Bảng câu hỏi cũng có các dòng cho các loại hoạt động khác để doanh nghiệp có thể ghi thông tin,
- doanh thu của trụ sở chính (không kể từ các chi nhánh) trong 6 tháng đầu năm 2002,
- lao động của trụ sở chính (không kể lao động của các chi nhánh) chia theo trình độ học vấn và giới tính,
- số máy tính có tại trụ sở chính có đến tháng 7/2002.

Các câu hỏi cho cả doanh nghiệp chia thành 2 mục lớn. Mục thứ nhất bao gồm những thông tin chung về các hoạt động của doanh nghiệp:

- lao động đầu và cuối năm 2001 chia theo lĩnh vực hoạt động và theo giới tính,
- “thu nhập” của lao động trong năm từ các nguồn khác nhau (lương/thưởng, bảo hiểm xã hội và “các thu nhập khác không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp”),
- tổng giá trị tài sản đầu và cuối năm 2001 (có hướng dẫn tính toán dựa trên bảng phân loại kế toán chuẩn được các doanh nghiệp sử dụng ở Việt Nam),
- doanh thu trong năm,
- thuế nộp trong năm chia theo loại thuế,
- vốn đầu tư chia theo nguồn và lĩnh vực và được chia thành đầu tư xây dựng và đầu tư “khoa học công nghệ”,
- các lớp đào tạo được tổ chức trong năm chia theo 13 nhóm,

- tai nạn lao động trong năm chia thành 5 nhóm,
- 2 câu hỏi về “đánh giá trình độ kỹ thuật, xử lý và đổi mới công nghệ”,
- 6 câu hỏi về các điều kiện môi trường.

Mục thứ 2 bao gồm 13 lĩnh vực hoạt động: Công nghiệp, Xây dựng, Thương mại, Khách sạn, Nhà hàng, Giao thông vận tải, Du lịch, Dịch vụ, Ngân hàng, Bảo hiểm, Xổ số, Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản và Thu gom và Xử lý rác thải. Các câu hỏi cho mỗi hoạt động bao gồm sản lượng đầu ra chi tiết được sản xuất và đầu vào được sử dụng trong năm 2001.

C. Xử lý và lập bảng biểu

Việc thu thập, nhập và xử lý ban đầu số liệu được thực hiện tại các Cục thống kê tỉnh, sau đó kết quả được gửi về TCTK để kiểm tra lần cuối và để lập biểu đầu ra. TCTK thông báo rằng tỷ lệ trả lời phỏng vấn là 100% theo số liệu nhận được từ các Cục thống kê tỉnh và bất kỳ số liệu bị thiếu (hoặc không hợp lý) nào cũng đều được gửi lại cho Cục thống kê tỉnh để kiểm tra và chỉnh sửa lại cho đúng. Do vậy, ít nhất là ở cấp trung ương tại TCTK sẽ không phải ước lượng hoặc điều chỉnh gì số liệu sau đó. Sau đó các biểu đầu ra đã được thiết kế từ trước sẽ được lập trình, tổng hợp và gửi xuất bản số liệu.

II. ĐÁNH GIÁ

A. Việc sử dụng Đơn vị Thống kê

Để đo lường các hoạt động sản xuất, các hướng dẫn quốc tế khuyến nghị rằng nên sử dụng cơ sở

KTHCSN (establishment) là đơn vị thống kê. Một cơ sở KTHCSN được định nghĩa là:¹

“một tổ chức/doanh nghiệp (enterprise), hay một phần của tổ chức/doanh nghiệp, nằm riêng tại một địa điểm và tại cơ sở này chỉ có một hoạt động lao động sản xuất kinh doanh duy nhất (không phụ thuộc) được tiến hành hoặc hoạt động lao động sản xuất kinh doanh chủ yếu chiếm hầu hết giá trị tăng thêm”²

Một *tổ chức/doanh nghiệp (enterprise)* được định nghĩa là một đơn vị có tổ chức tham gia vào hoạt động lao động sản xuất kinh doanh.³

Nói một cách hết sức đơn giản, *cơ sở KTHCSN (establishment)* là một đơn vị trong đó có một quá trình lao động sản xuất kinh doanh hợp nhất (tức là một hoạt động kinh tế riêng rẽ) được tiến hành tại một địa điểm riêng rẽ (ví dụ: một nhà máy). Trong khi đó *tổ chức/doanh nghiệp (enterprise)* là một đơn vị có thể quản lý rất nhiều loại hình hoạt động kinh tế tại nhiều địa điểm khác nhau (ví dụ một công ty có các hoạt động trong ngành công nghiệp, kinh doanh bất động sản và thương mại). Trong khi *tổ chức/doanh nghiệp* là một đơn vị phù hợp để đo lường dòng chảy của tài chính thì *cơ sở KTHCSN* lại là đơn vị phù hợp để đo lường hoạt động kinh tế. Do vậy một cơ sở KTHCSN thường được xác định là một nơi trong đó có một hoạt động kinh tế có năng suất cụ thể đang được tiến hành: một nông trại, một hầm mỏ, một nhà máy, một cửa hàng, kho, công trường xây dựng, nhà ga, sân bay, xưởng sửa

¹ Hệ thống Tài khoản Quốc gia 1993, tr.116.

² Một hoạt động phụ thuộc được định nghĩa trong Hệ thống tài khoản quốc gia là “một hoạt động hỗ trợ được tổ chức/doanh nghiệp thực hiện để tạo điều kiện cho việc thực hiện hoạt động lao động sản xuất kinh doanh chính.” (tr. 114) Nói một cách khác, đây là các hoạt động như là giữ sổ sách, thông tin liên lạc, sửa chữa và bảo trì, đi lại, đào tạo, an ninh, v.v..., các hoạt động này hỗ trợ cho hoạt động chính của tổ chức/doanh nghiệp.

³ Một đơn vị có tổ chức được định nghĩa là “một thực thể kinh tế bản thân có khả năng sở hữu tài sản, chịu trách nhiệm pháp lý và tham gia vào các hoạt động kinh tế và hoạt động trao đổi với các thực thể khác.” (tr. 87)

Một nguyên nhân khác có thể là nhiều hoạt động có thể không rõ ràng, đặc biệt là những hoạt động thường được gọi là “các nghề thủ công” tức là những hoạt động được các cá nhân thành viên hộ gia đình tiến hành trong nhà của họ (ví dụ: may đo, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, v.v...)

Phân ngành chuẩn quốc tế của tất cả các hoạt động kinh tế. Bản sửa đổi lần 3. Nhóm các bài viết thống kê UN M Số 4, Phiên bản 3, 1990, tr. 27.

chữa xe, ngân hàng, văn phòng, phòng khám đa khoa, v.v... Điều này hết sức quan trọng khi muốn tổng hợp sản lượng theo đơn vị địa lý (ví dụ theo vùng hay tỉnh). Trong khi có thể tổng hợp chính xác sản lượng của một *doanh nghiệp* có nhiều cơ sở ở cấp quốc gia thì không thể thực hiện được như vậy ở cấp tỉnh nếu các cơ sở nằm tại các tỉnh khác nhau.

Một loại đơn vị sản xuất kinh doanh đặc thù đó là *cơ sở SXKD hộ gia đình (household enterprises)*, mà đôi khi được gọi chung là *doanh nghiệp nhỏ (microenterprises)* hay chặt chẽ hơn trong Hệ thống tài khoản quốc gia là *cơ sở SXKD hộ gia đình không thuộc đối tượng áp dụng của luật doanh nghiệp (household unincorporated enterprises)*; thuật ngữ này thường đề cập đến một cơ sở SXKD không đăng ký theo luật doanh nghiệp được thành lập để sản xuất kinh doanh hàng hoá và dịch vụ không chuyên nghiệp để bán ra trên thị trường, sở hữu và điều hành bởi một hay nhiều thành viên của cùng một hộ gia đình, tất cả nhân công làm việc toàn bộ thời gian đều là thành viên của hộ gia đình này. Cơ sở SXKD hộ gia đình thường là các tổ chức vận hành bởi một hoặc hai người tại nhà của chủ doanh nghiệp (tại một vị trí riêng biệt trong nhà hoặc đơn giản là tại nhà), và mặc dù loại hình này có thể bao gồm bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào (nông nghiệp, chế tạo, xây dựng, bán lẻ), nó thường tập trung vào hoạt động buôn bán lẻ. Các cơ sở SXKD hộ gia đình thường hoạt động với hình thức tổ chức đơn giản với quy mô nhỏ và không có sự phân biệt rõ giữa vốn và lao động trong phân loại các yếu tố sản xuất kinh doanh (đó là, vai

trò làm chủ và làm công thường hay lẫn nhau). Các cơ sở chỉ bao gồm một lao động được thành lập để cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp (ví dụ kế toán, tư vấn, pháp luật và y tế) không được coi là cơ sở SXKD hộ gia đình.

Do các đặc tính như vậy, các cơ sở SXKD hộ gia đình thường được khảo sát thông qua các cuộc điều tra chọn mẫu hộ gia đình dựa trên mẫu hộ được rút ra từ các bản đồ địa lý (trong đó thể hiện các địa bàn điều tra khác nhau) và bảng câu hỏi yêu cầu phải phỏng vấn trực tiếp và nhằm phân tách được chi tiêu dùng và chi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh⁴. Ngược lại, các cuộc điều tra chọn mẫu cơ sở KTHCSN lại thực hiện trên các mẫu rút từ bản danh mục cơ sở KTHCSN (trong đó phân tầng theo lĩnh vực kinh tế) và bảng câu hỏi được các cơ sở này tự điền vào, đồng thời chỉ tập trung vào các hoạt động sản xuất của cơ sở.

Tóm lại, các hướng dẫn quốc tế khuyến nghị sử dụng cơ sở KTHCSN và cơ sở SXKD hộ gia đình là những đơn vị thống kê để đo lường được các mức độ khác nhau của các hoạt động lao động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế. Đây là những đơn vị phù hợp với các mục đích thống kê. Điều này không có nghĩa là chúng cũng là các đơn vị phù hợp cho các mục đích khác. Ví dụ đối với các mục đích về pháp luật thì “công ty” có thể là đơn vị phù hợp hơn; đối với mục đích thu thuế thì “doanh nghiệp”

có thể phù hợp; còn đối với mục đích cấp phép thì có thể chỉ cần tên của chủ sở hữu.

Tổng điều tra 2002 đã định nghĩa cơ sở KTHCSN như thế nào? Tôi không thể biết được một định nghĩa cụ thể nào về cơ sở KTHCSN

Khuyến nghị 1: Đưa ra một định nghĩa rõ ràng về cơ sở KTHCSN sao cho nhất quán với các hướng dẫn quốc tế được trình bày trong mục này và áp dụng vào các điều kiện thực tế của Việt Nam. Cần nhấn mạnh 3 đặc tính đặc trưng như sau:

- một hoạt động lao động sản xuất kinh doanh hợp nhất,
- một địa điểm và
- một chủ sở hữu.

⁴ Trên 80% tổ chức/doanh nghiệp điều tra năm 2002 là tổ chức/doanh nghiệp một cơ sở.

thông qua những tài liệu mà tôi nghiên cứu. Tuy nhiên những trình bày trong các tài liệu tập huấn và giải thích bảng hỏi đã ngầm thể hiện một định nghĩa nhất quán với khái niệm được trình bày ở trên.

B. Phân loại theo lĩnh vực hoạt động kinh tế

Thống nhất với tiêu chuẩn quốc tế, lĩnh vực hoạt động kinh tế của một đơn vị thống kê (theo Phân ngành chuẩn quốc tế ISIC) được xác định vào nhóm ISIC mà hoạt động (hay các hoạt động) chủ yếu rơi vào. Hoạt động chủ yếu được xác định là hoạt động tạo ra tỷ trọng lớn nhất trong sản lượng của đơn vị. Ví dụ, nếu một cơ sở sản xuất 3 sản phẩm sau trong một năm nhất định:

- Chế tạo các mặt hàng với giá trị là 60 triệu đồng,
- Buôn bán hàng hoá với giá trị 15 triệu đồng, và
- Dịch vụ tư vấn với doanh thu 25 triệu đồng.

khi đó cơ sở sẽ được phân vào lĩnh vực chế tạo (manufacturing) bất chấp cơ sở này cũng có các hoạt động thương mại và dịch vụ. Do vậy tất cả giá trị tăng thêm (và lao động) của cơ sở này sẽ được quy vào lĩnh vực chế tạo. Điều này không lý tưởng lắm nhưng đó là một cách làm thực tế có thể cho phép các nước tạo ra các kết quả đầy đủ tương đối kịp thời trong nhiều thập kỷ qua. Sai số của việc phân loại thường bị triệt tiêu khi tổng hợp số liệu cho cấp cao hơn.

Trong khi phân loại các cơ sở KTHCSN, tổng điều tra 2002 nhìn chung đã theo quy trình này, tuy nhiên vẫn có một số điểm khác biệt không nên có. Ví dụ, bảng câu hỏi cho chi nhánh doanh nghiệp định nghĩa hoạt động kinh tế chính là hoạt động “tạo ra giá trị sản xuất lớn nhất. Nếu không xác định được giá trị sản xuất thì cần dựa trên doanh thu lớn nhất hoặc sử dụng nhiều lao động nhất.”

Trong khi câu đầu tiên đã định nghĩa đúng lĩnh vực hoạt động của cơ sở (trong trường hợp này cơ sở này ngẫu nhiên là một chi nhánh của một doanh nghiệp lớn hơn) thì câu thứ 2 lại có 2

nhược điểm sau:

- Trước hết câu này cho cơ sở quyền lựa chọn. Quyết định liên quan đến phân ngành cần được thực hiện bởi cơ quan thống kê dựa trên tính toán của họ về giá trị sản lượng của cơ sở chứ không nên để tự cơ sở quyết định,

- Thứ hai việc làm này sẽ gây ra sự không nhất quán trong phân loại. Khi một số cơ sở được phân vào một lĩnh vực dựa trên giá trị sản lượng trong khi các cơ sở khác lại dựa trên lao động thì có thể tạo ra những kết quả không bình thường.

Một nguyên nhân của lẫn lộn này theo ý kiến của tôi là có liên quan đến tình hình xảy ra khi xem xét một doanh nghiệp có nhiều cơ sở. Cả bảng câu hỏi doanh nghiệp và bảng câu hỏi được gửi đến từng chi nhánh (hoặc từng cơ sở) của doanh nghiệp này đều cố gắng phân lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Lấy ví dụ một doanh nghiệp có 3 chi nhánh tại 3 địa điểm và thực hiện 3 hoạt động khác nhau, mỗi cơ sở có 100 lao động:

- cơ sở thứ nhất có một hoạt động xây dựng tại địa điểm A với giá trị là 100 triệu đồng,
- cơ sở thứ hai kinh doanh bán lẻ ở địa điểm B với giá trị lãi suất thương mại là 60 triệu đồng, và
- cơ sở thứ ba thực hiện hoạt động chế tạo ở địa điểm C với giá trị là 40 triệu đồng.

Tổng điều tra 2002 gửi đến doanh nghiệp này 4 bảng câu hỏi: 1 cho toàn bộ doanh nghiệp và 3 bảng cho mỗi chi nhánh. Theo bảng câu hỏi cho từng chi nhánh, việc phân loại sẽ được tiến hành như sau: hoạt động thứ nhất sẽ được xếp vào lĩnh vực xây dựng, hoạt động thứ hai được xếp vào lĩnh vực kinh doanh bán lẻ và hoạt động thứ ba là vào lĩnh vực chế tạo. Tuy nhiên, bảng câu hỏi doanh nghiệp sẽ phân hoạt động của toàn doanh nghiệp vào nhóm lĩnh vực xây dựng vì hoạt động xây dựng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng sản lượng của doanh nghiệp. Tôi không rõ lắm trong các biểu mẫu ra cuối cùng cho doanh nghiệp này sẽ thể hiện cái gì: một doanh nghiệp xây dựng đơn lẻ với sản lượng

là 200 triệu đồng (và 300 lao động) hoặc 3 hoạt động ở 3 lĩnh vực khác nhau (thứ nhất là xây dựng với giá trị là 100 triệu đồng với 100 lao động, thứ hai là thương mại với giá trị là 60 triệu đồng với 100 lao động và thứ ba là chế tạo với giá trị là 40 triệu đồng với 100 lao động.) Phương pháp đúng là phương pháp thứ 2 chứ không phải là thứ 1. Nếu đây là những gì được dùng trong các biểu tổng hợp của tổng điều tra 2002 thì không cần phải có câu hỏi phân loại trong bảng câu hỏi doanh nghiệp và có thể bỏ câu hỏi này đi. Nếu phương pháp phân loại này chưa được áp dụng thì chúng ta cần đảm bảo rằng chúng ta sẽ sử dụng phương pháp này trong tổng điều tra 2007.

Điểm mấu chốt trong phần này là để đảm bảo rằng việc phân loại được tiến hành theo một phương thức rõ ràng, theo cơ sở KTHCSN và dựa trên các hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở KTHCSN.

Khuyến nghị 2: Việc phân loại lĩnh vực kinh tế của một hoạt động cần được tiến hành theo đơn vị cơ sở KTHCSN (chứ không phải theo đơn vị tổ chức/doanh nghiệp). Việc phân loại này cũng cần được TCTK quyết định (chứ không phải cơ sở quyết định) và chỉ dựa trên một tiêu chí duy nhất là: tỷ trọng lớn nhất trong giá trị sản xuất của cơ sở.

C. Bảng câu hỏi

Một cách lý tưởng thì cán bộ thống kê sẽ đến từng cơ sở và yêu cầu cơ sở tự điền vào bảng câu hỏi. Tổng điều tra 2002 đã gửi một bộ đầy đủ các bảng câu hỏi đến cho các tổ chức/doanh nghiệp chứ không phải là cho từng cơ sở. Trong hầu hết các trường hợp thì cả 2 quy trình này đều đưa đến một kết quả giống nhau vì hầu hết các doanh nghiệp chỉ có một cơ sở.⁴ Tuy nhiên kết quả sẽ khác đi đối với các doanh nghiệp có nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh. Ưu điểm của việc yêu cầu tổ chức/doanh nghiệp điền vào một bảng câu hỏi bao trùm tất cả các hoạt động mà nó quản lý là trong nhiều trường

hợp chỉ ở cấp doanh nghiệp mới có số liệu kế toán (bao gồm giá trị doanh thu, giá trị đầu vào, thuế đã nộp, v.v...). Tuy nhiên, hạn chế là các số liệu quan trọng nhất về sản lượng và đầu vào lại không có ở trên cấp doanh nghiệp mà lại ở dưới cấp cơ sở. Giải pháp hợp lý ở đây là liên lạc với cơ sở và cho cơ sở một khoảng thời gian để họ có thể thu được thông tin thích hợp từ trụ sở chính của doanh nghiệp và nộp bảng câu hỏi hoàn chỉnh trong đó bao trùm toàn bộ hoạt động của cơ sở.

Về phần nội dung, với 36 trang câu hỏi, tổng điều tra 2002 là quá dài. Bảng câu hỏi bao gồm:

- các mục không phù hợp với hầu hết các cơ sở. Mỗi bảng câu hỏi đều bao gồm các câu hỏi về tất cả các lĩnh vực kinh tế. Với 80% tổ chức/doanh nghiệp năm 2002 chỉ có một hoạt động (do vậy chỉ có một cơ sở) thì tất cả các mục liên quan đến các lĩnh vực khác lĩnh vực của hoạt động này đều không phù hợp,

- các mục bao trùm cả những vấn đề không cần thiết, ví dụ công nghệ thông tin, đào tạo, tai nạn lao động, thu gom rác thải, v.v... Các câu hỏi này có thể quan trọng cho một số mục đích cụ thể nhưng chúng không phải nằm trong 3 biến quan trọng nhất của tổng điều tra cơ sở KTHCSN (số cơ sở, lao động và giá trị tăng thêm). Các vấn đề này có thể đưa vào điều tra theo dạng điều tra chọn mẫu trong một bảng câu hỏi thêm.

Đối với các câu hỏi được cho là quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách mà chưa được đưa vào trong các bảng câu hỏi chính ví dụ như về

Khuyến nghị 3: Thiết kế các bảng câu hỏi đơn giản cho các cơ sở KTHCSN và làm cho thích hợp với từng lĩnh vực như sau:

- Bắt đầu bằng việc sử dụng các bảng câu hỏi trong Mục II.
- Điều chỉnh nội dung cho phù hợp với điều kiện Việt Nam
- Điều tra thử các bảng câu hỏi.

lĩnh vực công nghệ thông tin thì có thể sử dụng một quy trình riêng cho các câu hỏi này.

Khuyến nghị 4: Thiết kế một bảng câu hỏi đơn giản cho một vấn đề cụ thể, điều tra thử và sau đó sử dụng bảng câu hỏi này như là một phần thêm vào bảng câu hỏi chính và chỉ điều tra cho một mẫu nhất định trong tổng điều tra.

D. Diện bao phủ

Như đã giải thích trong Mục II, một cuộc tổng điều tra cần bao trùm toàn bộ các đơn vị sản xuất kinh doanh để đảm bảo có được diện bao phủ phù hợp cho phép có được thước đo tin cậy cho các biến khác nhau. Ít nhất, việc này cần được thực hiện ở giai đoạn lập danh mục. Tổng điều tra 2002 thực hiện hơn thế và đã gửi bảng câu hỏi cho tất cả 2,8 triệu địa chỉ được xác định là “cơ sở KTHCSN” trong quá trình lập danh mục. Trong số này, trên 2 triệu thực chất chỉ là các cơ sở SXKD

Khuyến nghị 5:

1) Tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế cần được xác định trong danh mục. Số đơn vị này trong năm 2007 sẽ vào khoảng 3 đến 4 triệu.

2) Nếu nguồn lực cho phép, có thể điều tra tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh này (bao gồm cả các cơ sở KTHCSN và các cơ sở SXKD hộ gia đình), trong đó bảng câu hỏi ngắn gọn sẽ được áp dụng cho các cơ sở SXKD hộ gia đình.

3) Nếu nguồn lực không cho phép, điều tra tất cả các cơ sở KTHCSN trong danh mục theo như Khuyến nghị 3. Các cơ sở SXKD hộ gia đình có thể được điều tra mẫu: có thể phân tầng chúng theo lĩnh vực kinh tế (thương mại, khách sạn nhà hàng, chế tạo, v.v...) và có thể lựa chọn mẫu điều tra từ mỗi tầng.

4) Nếu cần phải điều tra các vấn đề khác như công nghệ thông tin thì có thể chọn một mẫu (từ danh sách các cơ sở KTHCSN hoặc các cơ sở SXKD hộ gia đình tùy thuộc vào yêu cầu) để điều tra.

hộ gia đình, không phải là cơ sở KTHCSN. Các cơ sở SXKD hộ gia đình này được đề cập đến như là “các cơ sở SXKD cá thể”.

E. Ước lượng

Thông thường có một phần của bất kỳ tổng điều tra (hay điều tra mẫu) nào là sai, không có ích hoặc đơn giản là không có trả lời từ một số cơ sở. Trong tổng điều tra 2002 có tỷ lệ 100% trả lời có ích và con số này theo kinh nghiệm của tôi là không bình thường. Tuy nhiên, đối với tổng điều tra 2007 tôi tin là chúng ta cần chuẩn bị đối phó với tình huống trong đó tỷ lệ trả lời thấp hơn 100%. Ví dụ, một phương pháp có thể sử dụng ở đây là áp dụng câu trả lời của đơn vị điều tra với các đặc tính tương tự (ví dụ: địa điểm, lĩnh vực và quy mô) cho các đơn vị điều tra không thu được câu trả lời.

Khuyến nghị 6: Trong kế hoạch xử lý số liệu nên đưa vào một chương trình ước lượng các biến của các đơn vị không trả lời, ví dụ sử dụng phương pháp trình bày trong mục này.

F. Lập biểu đầu ra

Tổng điều tra 2002 có 3 tập số liệu công bố. Có thể vẫn công bố các biểu tương tự nhưng nếu áp dụng các bảng câu hỏi khuyến nghị trong báo cáo này thì có thể công bố thêm rất nhiều biểu thống kê với những thông tin rất có ích cho các nhà hoạch định chính sách, trong đó có:

- Số cơ sở KTHCSN, lao động, giá trị tăng thêm và giá trị tăng thêm bình quân một lao động (sử dụng làm thước đo năng suất) chia theo tỉnh, ngành kinh tế và tỉnh/ngành kinh tế,

- Số cơ sở KTHCSN, sản lượng, đầu vào, giá trị tăng thêm và tỷ lệ giá trị tăng thêm trên sản lượng theo tỉnh, ngành kinh tế và tỉnh/ngành kinh tế,

- Lao động (nam và nữ) và lương (nam và nữ) theo tỉnh, ngành kinh tế và tỉnh/ngành kinh tế,

- Tài sản cố định (theo loại) theo tỉnh, ngành kinh tế và tỉnh/ngành kinh tế.

Khuyến nghị 7: Đưa các biểu trên vào trong ấn phẩm công bố của tổng điều tra.

III. KẾT LUẬN

Bản báo cáo này trình bày đánh giá về một số vấn đề thiết kế lý thuyết của tổng điều tra 2002 và đưa ra 7 khuyến nghị cho tổng điều tra 2007 về các khái niệm/định nghĩa cần sử dụng, quy trình phân loại lĩnh vực, hoạt động thiết kế bảng hỏi, diện bao phủ tại địa bàn, quy trình ước lượng và lập biểu đầu ra. Khuyến nghị cuối cùng của tôi là:

Khuyến nghị 8: Thiết kế của tổng điều tra 2007 cần trở thành một phần trong hệ thống toàn diện các công cụ thống kê hợp nhất để tạo điều kiện cho TCTK có thể cung cấp một chuỗi số liệu đáng tin cậy, có liên quan lẫn nhau với chu kỳ và diện bao phủ khác nhau để các nhà hoạch định chính sách có thể giám sát được các hoạt động SXKD trong nền kinh tế.

Một hệ thống như vậy sẽ bao gồm 3 loại công cụ như sau:

- Các tài khoản chuẩn (benchmark accounts): nhằm mục đích cung cấp thước đo đáng tin cậy về **mức độ** sản xuất trong nền kinh tế và cấu trúc của nền kinh tế. Các tài khoản này thu được thông qua các cuộc tổng điều tra cơ sở KTHCSN 5 năm một lần theo quy trình được khuyến nghị ở trong báo cáo này,

- Số liệu cập nhật hàng năm: Các con số này nhằm đo lường *sự thay đổi* (hơn là đo lường mức

độ) của một số số liệu tổng hợp quan trọng nhất (ví dụ: sản lượng, lao động). Với mục tiêu hạn chế hơn so với các tài khoản chuẩn, diện bao phủ cho những số liệu này có thể giới hạn trên một mẫu của các cơ sở KTHCSN và các câu hỏi có thể chỉ là một phần của bảng câu hỏi tổng điều tra.

- Cập nhật hàng quý: Các con số này có mục đích hạn chế hơn so với số liệu cập nhật hàng năm: mục đích là để đo lường *sự thay đổi* về sản lượng của cơ sở **trong một năm**, nhằm giúp các nhà làm kế hoạch có được các con số cần thiết để quyết định thực hiện các chính sách ngắn hạn (ví dụ tăng hay giảm lãi suất). Đối với các con số này tính kịp thời quan trọng hơn là tính chính xác. Thông thường cần có các con số này một quý sau. Nếu chậm trễ hơn thì chúng chẳng có ích gì cho việc lập chính sách nữa (tuy nhiên vẫn có thể có ích cho nghiên cứu).

- Các công cụ này được kết nối với nhau như một phần của hệ thống toàn diện: các tài khoản chuẩn thể hiện các số tuyệt đối không thay đổi, còn các số liệu hàng năm thể hiện thay đổi từ năm này sang năm khác và về sau sẽ được tính cho chuẩn lại dựa trên số liệu tổng điều tra, các số liệu cập nhật theo quý phản ánh thay đổi trong một năm và sẽ được chỉnh lại cho chuẩn theo số liệu hàng năm. Tôi xin phép tóm tắt các khuyến nghị của tôi về chủ đề này trong một ý duy nhất như sau: Tổng cục Thống kê cần bắt đầu nghiên cứu về việc áp dụng một hệ thống số liệu cơ sở như trình bày ở trên. Việc này càng được thực hiện sớm thì người sử dụng càng sớm có được số liệu tin cậy và kịp thời./.